

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN**

**TỪ ĐIỂN VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG
(TÁC GIA, TÁC PHẨM, THUẬT NGỮ)**

**Đề tài nghiên cứu khoa học
Cấp ĐHQG-H C M**

Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. PHAN THU HIỀN

Các thành viên: GS.TS. NGUYỄN ĐỨC NINH

PGS.TS. NGUYỄN THỊ BÍCH HẢI

PGS.TS. ĐOÀN LÊ GIANG

PGS.TS. ĐỖ THU HÀ

TS. NGUYỄN THỊ MAI LIÊN

TS. TRẦN LÊ HOA TRANH

TS. NGUYỄN ĐÌNH PHÚC

Các cộng tác viên: ĐÀO THỊ DIỄM TRANG

PHAN PHỤNG THỊ HIỀN

ÁI TIÊN, AN NHIÊN, HOÀNG LONG,

THANH TÂM, THU HƯƠNG

TP. HỒ CHÍ MINH, 2007

MỤC LỤC

Tập một

Mục lục	2
---------	---

MỞ ĐẦU	3
--------	---

1. Tính cấp thiết, nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	3
2. Phương pháp biên soạn	3
3. Đối tượng và phạm vi của đề tài	3
4. Phân công biên soạn	4
5. Kết quả	4
6. Kiến nghị	5

QUY CÁCH	6
----------	---

CÁC MỤC TỪ

- Văn học Trung Cận Đông	9
- Văn học Ấn Độ	100
- Văn học Đông Nam Á	332

Tập hai

- Văn học Trung Quốc	1
- Văn học Tây Tạng	216
- Văn học Mông Cổ	220
- Văn học Korea	225
- Văn học Nhật Bản	257

DANH MỤC CÁC MỤC TỪ	381
---------------------	-----

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHỦ YẾU	408
----------------------------	-----

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Năm 2005, *Từ điển Văn học Bộ Mới* được xuất bản trên cơ sở bổ sung, hoàn thiện bộ *Từ điển Văn học* trước đây (gồm 2 tập). Do bao trùm cả văn học Việt Nam và văn học thế giới nên trong *Từ điển Văn học Bộ Mới*

- số lượng mục từ dành cho các nền văn học Phương Đông chỉ là 406 mục từ, trong đó phần nhiều nhất thuộc về văn học Trung Quốc: 214 mục từ, còn lại phân cho các nền văn học khác rất ít ỏi:
- toàn bộ khu vực Trung Cận Đông: 23 mục từ,
- Ấn Độ: 50 mục từ,
- toàn bộ khu vực Đông Nam Á : 62 mục từ,
- Nhật Bản: 45 mục từ,
- Korea: 8 mục từ.

Để đáp ứng nhu cầu tra cứu của các học giả, sinh viên, học sinh và đông đảo bạn đọc trong thời đại hội nhập toàn cầu mong muốn hiểu biết về văn học thế giới, nhất là các nền văn học Phương Đông gần gũi, có quan hệ nhiều chiều với văn học dân tộc, chúng tôi nghĩ rằng cần thiết có một cuốn *Từ điển văn học Phương Đông* phong phú và toàn diện hơn.

Chúng tôi biên soạn cuốn Từ điển này nhằm đáp ứng yêu cầu đó:

- Chú ý giới thiệu những nền văn học, những khu vực văn học vốn chưa quen thuộc nhưng do nhiều lý do chính trị, kinh tế, văn hóa hiện nay, Việt Nam ta cần hiểu biết sâu sắc, kỹ lưỡng. Thí dụ văn học của một số nước Đông Bắc Á (như Nhật Bản, Korea), Đông Nam Á, Trung Cận Đông...
- Chú ý đầy đủ hơn đến văn học hiện đại, văn học đương đại, bên cạnh việc giới thiệu các thành tựu văn học truyền thống.
- Chú ý giới thiệu thành tựu lý luận văn học, thi pháp học bên cạnh việc giới thiệu các sáng tác văn chương (*Từ điển Văn học Bộ Mới* chỉ có 16 thuật ngữ lý luận chủ yếu là tên các thể loại liên quan đến các nền văn học Phương Đông). Điều này góp phần mở rộng hiểu biết về lý luận văn học Phương Đông (với những điểm tương đồng và những khác biệt so với lý luận văn học Phương Tây), giúp đánh giá đúng hơn những sáng tác văn chương Phương Đông bằng những quan niệm, tiêu chí của chính chúng.

2. Phương pháp biên soạn

Chúng tôi kế thừa những bộ Từ điển về các nền văn học Phương Đông của các soạn giả nước ngoài mà chúng tôi có được, sử dụng kết hợp thông tin bổ sung từ các sách Lịch sử văn học, các sách nghiên cứu, các giáo trình thi pháp học kinh điển, các hợp tuyển văn học... để lựa chọn và biên soạn các mục từ.

Trong mục từ về các tác gia, tác phẩm, thuật ngữ quan trọng, chúng tôi cố gắng, trong chừng mực có thể, để cung cấp một số dẫn chứng thơ văn, ý kiến lý luận tiêu biểu nhất, khiến cho phần giới thiệu khái quát trở nên dễ hiểu hơn, cụ thể, thuyết phục hơn.

Chúng tôi cũng cố gắng cung cấp tranh ảnh chân dung tác giả, hình minh họa tác phẩm để bộ Từ điển sinh động và giúp ích người tra cứu nhiều hơn.

3. **Đối tượng, phạm vi của đề tài**

Từ điển bao trùm tất cả các nền văn học đáng kể ở Phương Đông, thuộc ba khu vực lớn là:

- Đông Á
- Nam Á và Đông Nam Á
- Tây Á và Bắc Phi

Danh mục từ theo từng nền văn học được kê ở Phụ lục.

Từ điển gồm 3 loại mục từ:

- mục từ về tác giả
- mục từ về tác phẩm
- mục từ về thuật ngữ lý luận văn học

Mục từ về lý luận văn học gồm các thuật ngữ liên quan đến quan niệm văn học, phong cách, trường phái, thể loại...(không bao gồm tên các tác giả, tên các tác phẩm lý luận phê bình, tên các tổ chức, hiệp hội văn học).

4. **Phân công biên soạn**

4.1. **Văn học Trung Quốc:** PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Hải (Đại học Huế)

TS. Trần Lê Hoa Tranh (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh)

TS. Nguyễn Đình Phúc (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh)

4.2. **Văn học Nhật Bản:** PGS.TS. Đoàn Lê Giang (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh)

Cộng tác viên: Ái Tiên, An Nhiên, Bửu Châu, Hoàng Long, Thanh Tâm, Thu Hương.

4.3. **Văn học Korea:** PGS.TS. Phan Thu Hiền (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh)

4.4. **Văn học Đông Nam Á:** GS.TS. Nguyễn Đức Ninh (Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Hà Nội)

TS. Nguyễn Thị Mai Liên (Đại học Sư phạm Hà Nội)

Cộng tác viên: Đào Thị Diễm Trang (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh)

4.5. **Văn học Ấn Độ:** PGS.TS. Đỗ Thu Hà (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội)

4.6. **Văn học Trung Cận Đông:** PGS.TS. Phan Thu Hiền (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh)

Cộng tác viên: Phan Phụng Thị Hiền

5. **Kết quả**

Do kinh phí được cấp quá hạn hẹp (tổng cộng 30.000.000 VNĐ) mà khối lượng công việc quá lớn, trong khi phải chi rất nhiều tiền để mua được nhiều tư liệu mới và có uy tín, có giá trị ở nước ngoài (một số chúng tôi đã kê trong THƯ MỤC) đảm bảo cho chất lượng công trình, chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn khi mời các tác giả, các cộng tác viên. Tất cả các tác giả đã tham gia ở đây đều trên tinh thần cống hiến cho khoa học với mong muốn có một bộ Từ điển Văn học Phương Đông đầy đủ và cập nhật hơn, bản thân chủ nhiệm đề tài không nhận một khoản thù lao nào, những người khác nhận những khoản thù lao nhỏ bé, “tượng trưng”. Tuy nhiên, tất cả chúng tôi đã cố gắng với trách nhiệm cao.

Từ điển Văn học Phương Đông của chúng tôi hiện có tổng cộng 1005 mục từ, trong đó có 125 mục từ thuật ngữ lý luận. Các mục từ được phân bố như sau:

- Văn học Trung Cận Đông: 193 mục từ
- Văn học Ấn Độ: 194 mục từ
- Văn học Đông Nam Á: 298 mục từ
- Văn học Tây Tạng: 9 mục từ
- Văn học Mông Cổ: 13 mục từ
- Văn học Trung Quốc: 195 mục từ
- Văn học Nhật Bản: 67 mục từ
- Văn học Korea: 36 mục từ

6. **Kiến nghị**

(1) Thay mặt các tác giả, chủ nhiệm đề tài *xin nghiệm thu đề tài ở khối lượng hiện có*.

(2) Đề nghị *nâng cấp lên đề tài cấp Bộ trọng điểm* để chúng tôi có thể tiếp tục hoàn thiện công trình và *xuất bản một bộ TỪ ĐIỂN VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG* công phu, chất lượng cao phục vụ sinh viên, học viên Cao học, Nghiên cứu sinh cũng như đông đảo bạn đọc yêu mến Văn học Phương Đông, đông đảo các tầng lớp nhân dân hiện đang ngày càng ý thức nhu cầu “trở về Phương Đông” tìm hiểu văn học – văn hóa của các dân tộc gần gũi với dân tộc mình.

- Công trình *Từ điển Văn học Phương Đông – Tác giả, tác phẩm, thuật ngữ* thuộc phạm vi **nguyên cứu cơ bản**, là **sách công cụ** thiết yếu đối với ngành Văn học nói riêng, các ngành Khoa học Xã hội nói chung. Công trình cần được đầu tư vì Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay còn chưa có nhiều những sách công cụ, những công trình xuất bản lớn, góp phần quảng bá nhãn hiệu nhà trường.

- Chúng tôi nghĩ rằng đội ngũ tác giả hiện có đã tập hợp được một số chuyên gia có uy tín trong khắp cả nước về các nền văn học Phương Đông. Họ đều còn khá trẻ, có trình độ ngoại ngữ và tin học khá tốt, đều cố gắng hiện đại, cập nhật hóa kiến thức chuyên môn. Nhất là các tác giả đã cộng tác khá hiệu quả.

- Nếu được nâng cấp đề tài, chúng tôi sẽ mời thêm một số tác giả và một đội ngũ cộng tác viên đông đảo hơn. Chúng tôi sẽ tăng gấp đôi số mục từ hiện có, nhất là gia tăng các mục từ thuật ngữ lý luận văn học để tăng cường tính học thuật của công trình. Chúng tôi cũng có điều kiện để điều chỉnh cân đối hơn giữa các khu vực, các thời kỳ văn học; cân đối giữa các tác giả, tác phẩm; cân đối giữa sự kiện và lý luận văn học...

- Trên cơ sở có nguồn kinh phí, chúng tôi sẽ mời một số giáo sư, nghiên cứu sinh nước ngoài (những giáo sư, nghiên cứu sinh từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, một số nước Đông Nam Á...biết tiếng Việt và vốn có quan hệ cộng tác nghiên cứu với chúng tôi) tham gia biên soạn, hiệu đính, chỉ chính, nâng cao chất lượng công trình.

QUI CÁCH

1. QUI CÁCH MỤC TỪ

1. TÁC GIẢ:

Thông thường mỗi mục từ về tác giả có những nội dung sau đây :

- Nguyên ngữ (*chữ Hán,...*), cách đọc, năm sinh năm mất – tất cả đều trong ngoặc đơn.
- Định danh : nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình, lí luận văn học...TQ, Ấn Độ, Nhật Bản...
- Tiểu sử, cá tính (nếu có)
- Tác phẩm : Liệt kê tên tác phẩm (chú ý tác phẩm đã dịch ra tiếng Việt)
- Nhận định và đánh giá về tác giả : Những vấn đề về nội dung, Phong cách nghệ thuật, Những đóng góp của tác giả đối với lịch sử văn học.
- Trích tác phẩm (chủ yếu là thơ và phê bình văn học)
- Ảnh tác giả (*scan* lưu vào đĩa)

2. TÁC PHẨM

- Nguyên ngữ, dịch ngữ ý nghĩa của nhan đề, năm sáng tác, các bản dịch và cách dịch nhan đề khác nhau (đều phải ghi Người dịch, Nhà xuất bản, năm xuất bản, đánh giá về bản dịch - nếu có thể, vì có nhiều trường hợp là ăn cắp bản dịch)
- Nội dung : Hoàn cảnh sáng tác (nếu cần), Tóm tắt nội dung
- Nhận định đánh giá về giá trị của tác phẩm (cả tư tưởng và nghệ thuật, đối với sự nghiệp sáng tác của tác giả, với lịch sử văn học nước đó và với văn học nước ngoài – nếu có)
- Trích tác phẩm (chủ yếu là thơ và phê bình văn học)
- Cuối bài người biên soạn đưa ra *những mục từ có thể xuất hiện* để tra theo mục từ này.

Ví dụ :

Mục từ **Ngàn cánh hạc**, có thể có

Sembazuru : X. Ngàn cánh hạc

Rập rờn cánh hạc : X. Ngàn cánh hạc

- Bìa hoặc minh họa cho tác phẩm (*scan* lưu vào đĩa mềm)

3. THUẬT NGỮ

- Nguyên ngữ, cách đọc (Âm Bắc Kinh, Nhật...nếu cần), cách dịch (tiếng Anh, tiếng Hán - nếu cần)
- Nguồn gốc
- Quá trình vận động của thuật ngữ
- Nội dung, Ví dụ cách dùng trong phê bình văn học
- Giá trị, ý nghĩa của thuật ngữ đó
- Nếu cần cuối bài chỉ ra các thuật ngữ có liên quan gần để hiểu rõ hơn về thuật ngữ này

II. QUI CÁCH VĂN BẢN

Mục từ tác giả : Dùng tên thường gọi nhất làm mục từ chính. Chữ in hoa, đậm (Ví dụ : KOBAYASHI ISSA)

Mục từ tác phẩm : Nhan đề dịch sát nhất và đạt nhất làm mục từ chính. Chữ in hoa, đậm, nghiêng (Ví dụ : **NGÀN CÁNH HẠC**)

Mục từ thuật ngữ : Thuật ngữ thường dùng nhất làm mục từ chính. Chữ thường, đậm, in đứng (Ví dụ : Tính linh)

III. QUI CÁCH CHÍNH TẢ

1. TÊN RIÊNG

- Tên người : Tên, hiệu phiên âm Hán Việt: viết hoa toàn bộ (Ví dụ: Hoàng Tông Hy). Ngoài ra xem qui cách viết tên người nước ngoài (Xem III.2 ở dưới)
- Tên địa danh: tên phiên âm Hán Việt: viết hoa toàn bộ (Ví dụ: Trường An). Ngoài ra xem qui cách viết tên người nước ngoài (Xem III.2 ở dưới)
- Tên tác phẩm xuất hiện trong nội bộ mục từ: Viết hoa từ đầu tiên, chữ thường, nghiêng (Ví dụ: *Tùy Viên Lão Nhân thi tập*). Tác phẩm đã dịch ra tiếng Việt : Chữ thường, Nghiêng, Đậm (Ví dụ: ***Ngàn cánh hạc***)

2. TÊN NƯỚC NGOÀI

Ưu tiên dùng nguyên ngữ, nhưng phải phiên âm để cho học sinh trung học cũng có thể đọc được. Nguyên tắc phiên âm:

- Đọc được
- Không xa lắm với hình thức nguyên ngữ
- Các âm nối với nhau bằng gạch ngang
- Các từ đọc không khó lắm thì không cần phiên âm (Ví dụ : Buson)
- Phiên âm một lần trong một mục từ (lần đầu xuất hiện) và để trong ngoặc đơn.

III. BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

* : Có mục từ trong từ điển này. Dấu * sau từ nào có mục từ trong từ điển. (Ví dụ : Viên Mai* trong *Tùy Viên thi thoại** cho rằng : Tỉnh linh* là yếu tố quan trọng nhất trong thơ...)

AD : Ấn Độ

BK : âm Bắc Kinh

H. : xuất bản ở Hà Nội

NB : Nhật Bản

NXB : Nhà xuất bản

S. : xuất bản ở Sài Gòn trước 1975

TQ : Trung Quốc

Tr.CN : trước Công nguyên

TT : Triều Tiên / Hàn Quốc

x. : xem

xb : xuất bản